

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yên Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Trúc L, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số 481C, ấp BC, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Võ Thành T, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Số 514B, ấp BC, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc L trình bày:

Bà và ông Võ Thành T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 12/7/2004. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, ông T không quan tâm chăm sóc vợ con và có tình cảm với người

phụ nữ khác. Bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông T có một con chung tên Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 14/4/2003. Sau khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin vắng mặt tại Tòa, bị đơn ông Võ Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông xin được thuận tình ly hôn với bà L.

Về con chung: sau khi ly hôn, bà L sẽ là người được trực tiếp nuôi cháu T, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: ông và bà L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: ông và bà L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không có thời gian nên ông không thể đến Tòa án tham gia giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà L. Vì vậy, ông Võ Thành T có đơn xin vắng mặt tất cả các lần giải quyết vụ án tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông Võ Thành T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Trúc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Phạm Thị Trúc L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành T hiện đang cư trú tại thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Thành T là bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Võ Thành T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Trúc L và ông Võ Thành T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 12/7/2004. Hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà L cho rằng bà và ông T bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, ông T không quan tâm chăm sóc vợ con và có tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hiện bà không còn tình cảm với ông T nên xin ly hôn. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 28/02/2019 thể hiện bà L và ông T có mâu thuẫn khoảng 01 năm do ông T có tình cảm với người phụ nữ khác. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà L và ông T là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông T có một con chung tên Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 14/4/2003. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của bà L là phù hợp với ý kiến của ông T, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà L và ông T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Phạm Thị Trúc L phải nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc L, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Trúc L được ly hôn với ông Võ Thành T.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Trúc L là người trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 14/4/2003. Ghi nhận việc bà Phạm Thị Trúc L không yêu cầu ông Võ Thành T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Thành T được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà L và ông T cùng khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Phạm Thị Trúc L phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000914 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Trúc L được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với ông Võ Thành T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út